

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102/2016/TT-BQP

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới trong Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới trong Bộ Quốc phòng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới vào mục đích quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới trong Bộ Quốc phòng vào mục đích quốc phòng (sau đây gọi tắt là xe quân sự).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Xe quân sự: Là ô tô (kể cả xe cơ sở là ô tô có lắp các trang thiết bị chuyên dùng, ô tô đầu kéo, ô tô điện), mô tô hai bánh, mô tô ba bánh, rơ moóc, somi rơ moóc, xe xích được trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng quản lý để sử dụng vào mục đích quốc phòng.

2. Biển số đăng ký xe quân sự: Là ký hiệu pháp lý về quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng xe quân sự của cơ quan, đơn vị.

3. Chứng nhận đăng ký xe quân sự: Là chứng nhận pháp lý về quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng xe quân sự của cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, quản lý, sử dụng

1. Nguyên tắc đăng ký: Xe quân sự phải thực hiện đăng ký, quản lý theo đúng quy định của Bộ Quốc phòng và quy định của pháp luật;

2. Nguyên tắc quản lý: Quản lý số lượng, chất lượng, chủng loại, nhóm xe, trạng thái sử dụng, nhãn hiệu và sự đồng bộ; thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, thống nhất theo hệ thống từ cấp cơ sở đến cơ quan quản lý cấp chiến dịch, chiến lược theo quy định của Bộ Quốc phòng.

3. Nguyên tắc sử dụng: Đúng mục đích, nhiệm vụ, nhóm xe, tính năng chiến kỹ thuật và quy định của Bộ Quốc phòng; bảo đảm an toàn tuyệt đối và hiệu quả.

Điều 5. Biển số đăng ký xe quân sự

1. Biển số đăng ký xe quân sự: Do Cục Xe - Máy sản xuất bảo đảm tính thống nhất theo quy định tại Phụ lục II Thông tư này và cấp cho xe quân sự khi các cơ quan, đơn vị thực hiện xong việc đăng ký theo quy định.

2. Chữ ký hiệu trên biển số đăng ký: Được quy định riêng cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng theo quy định tại Phụ lục III Thông tư này. Trường hợp thành lập mới cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo cơ quan chức năng đăng ký bổ sung theo quy định.

3. Thu hồi biển số đăng ký đối với các trường hợp: Biển số bị hỏng, xe loại khỏi biên chế, xe điều động giữa các cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng. Trường hợp biển số đăng ký bị mất, không thu hồi được, thủ trưởng cơ quan kỹ thuật đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Khi biển số đăng ký bị mất, hỏng: Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý phải chịu trách nhiệm kiểm tra, báo cáo cơ quan xe - máy cấp trên đề nghị Cục Xe - Máy xem xét cấp lại, cấp đổi theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

5. Ô tô, rơ moóc, somi rơ moóc trước khi đưa ra sử dụng, ngoài biển số đăng ký do Cục Xe - Máy cấp: Cơ quan, đơn vị phải bổ sung hệ thống số phụ theo quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

Điều 6. Chứng nhận đăng ký xe quân sự

1. Chứng nhận đăng ký: Do Cục Xe - Máy in bảo đảm tính thống nhất theo Mẫu số 04, Phụ lục I Thông tư này và cấp cho xe quân sự khi các cơ quan, đơn vị thực hiện xong việc đăng ký theo quy định.

2. Thu hồi chứng nhận đăng ký đối với các trường hợp: Chứng nhận đăng ký bị hỏng, xe loại khỏi biên chế, xe điều động giữa các cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng. Trường hợp chứng nhận đăng ký bị mất, không thu hồi được, thủ trưởng cơ quan kỹ thuật đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cơ quan, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng chứng nhận đăng ký theo đúng quy định. Khi chứng nhận đăng ký bị mất, hỏng thì cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý phải chịu trách nhiệm kiểm tra, báo cáo cơ quan

xe - máy cấp trên để đề nghị Cục Xe - Máy xem xét cấp lại, cấp đổi theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Điều 7. Những hành vi nghiêm cấm

1. Giả mạo hồ sơ, làm thay đổi số khung, số máy; sửa chữa, tẩy xóa, thay đổi các thông tin ghi trên chứng nhận đăng ký.

2. Tự sản xuất, sử dụng biển số không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư này; cho thuê, cho mượn, thế chấp xe, biển số, chứng nhận đăng ký.

3. Cung cấp giấy tờ xe quân sự cho các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, người ngoài Quân đội để lưu hành trái phép.

4. Sử dụng xe quân sự vào việc riêng; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân ngoài Quân đội.

5. Điều khiển xe quân sự khi không được giao nhiệm vụ (trừ các trường hợp làm nhiệm vụ đặc biệt hoặc kiểm tra tình trạng kỹ thuật xe).

Chương II

ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE QUÂN SỰ

Mục 1

ĐĂNG KÝ XE QUÂN SỰ

Điều 8. Hình thức đăng ký

1. Đăng ký chính thức.

2. Đăng ký tạm thời.

Điều 9. Cơ quan quản lý đăng ký

1. Bộ Quốc phòng thống nhất việc quản lý đăng ký xe quân sự đối với các cơ quan, đơn vị.

2. Cục Xe - Máy là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý đăng ký xe quân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký đối với xe có nguồn gốc viện trợ trước ngày 31 tháng 12 năm 1989

1. Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự. (Riêng đối với xe xích: Văn bản đề nghị của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng).

2. Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này.

3. Lệnh xuất kho (áp dụng đối với xe đã nhập kho).

Điều 11. Hồ sơ đăng ký đối với xe do Bộ Quốc phòng trang bị

1. Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự.

2. Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này.

3. Lệnh xuất kho (áp dụng đối với xe đã nhập kho).
4. Biên bản giao, nhận xe.
5. Hồ sơ gốc của xe theo quy định của pháp luật (cơ quan, đơn vị được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ mua xe, có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ hồ sơ gốc về Cục Xe - Máy).

Điều 12. Hồ sơ đăng ký đối với xe do đơn vị tự mua

1. Hồ sơ xe đăng ký lần đầu, gồm:
 - a) Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự;
 - b) Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này;
 - c) Hợp đồng mua bán;
 - d) Hoá đơn bán hàng hợp lệ;
 - đ) Hồ sơ gốc của xe theo quy định của pháp luật (cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ về Cục Xe - Máy).
2. Hồ sơ xe đã đăng ký tại cơ quan Công an, gồm:
 - a) Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự;
 - b) Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này;
 - c) Hợp đồng mua bán;
 - d) Hóa đơn bán hàng hợp lệ (áp dụng đối với trường hợp mua xe của các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh);
 - đ) Giấy khai sang tên, di chuyển do cơ quan Công an cấp;
 - e) Hồ sơ gốc của xe theo quy định của pháp luật (cơ quan, đơn vị mua xe có trách nhiệm đến cơ quan Công an làm thủ tục nhận giấy sang tên, di chuyển, hồ sơ gốc của xe và bản giao đầy đủ cho cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng để chuyển giao về Cục Xe - Máy).

Điều 13. Hồ sơ đăng ký đối với xe điều động giữa các cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng về việc điều động xe.
2. Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này.
3. Biên bản bàn giao xe.
4. Chứng nhận đăng ký, biển số, lý lịch theo xe.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký đối với xe của cơ quan, đơn vị mua bằng vốn tự có, bán lại cho cơ quan, đơn vị khác trong Bộ Quốc phòng

1. Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng về việc cho bán xe.
2. Văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đề nghị cho phép cơ quan, đơn vị mua xe được đăng ký xe theo quy định.

3. Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này.
4. Hợp đồng mua bán.
5. Hóa đơn bán hàng hợp lệ (áp dụng đối với trường hợp mua xe của các cơ quan, đơn vị có đăng ký kinh doanh).
6. Chứng nhận đăng ký, biển số, lý lịch theo xe.

Điều 15. Hồ sơ đăng ký đối với xe điều động nội bộ của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Quyết định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (hoặc cấp có thẩm quyền) về việc điều động xe.
2. Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này.
3. Biên bản bàn giao xe.
4. Chứng nhận đăng ký theo xe.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký đối với xe cho, tặng; viện trợ; nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà tặng hoặc nhập khẩu là tài sản di chuyển

1. Hồ sơ đăng ký đối với xe cho, tặng, gồm:
 - a) Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự;
 - b) Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này;
 - c) Văn bản cho, tặng của bên cho, tặng;
 - d) Hồ sơ gốc của xe theo quy định của pháp luật (cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ về Cục Xe - Máy).
2. Hồ sơ đăng ký xe viện trợ, gồm:
 - a) Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự;
 - b) Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này;
 - c) Tờ khai nguồn gốc xe nhập khẩu;
 - d) Giấy xác nhận viện trợ của Bộ Tài chính.
3. Hồ sơ đăng ký xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà tặng hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển, gồm:
 - a) Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự;
 - b) Bản khai đăng ký xe theo quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục I Thông tư này;
 - c) Tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu phi mậu dịch;
 - d) Biên lai thu thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 17. Hồ sơ đăng ký đối với xe cải tạo

1. Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc cho phép cải tạo xe quân sự; phê duyệt tài liệu thiết kế cải tạo xe quân sự.